

Số: 12 / 2019/ QĐST- DS

Mang Thít, ngày 26 tháng 4 năm 2019.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 26/2018/TLST- DS ngày 19 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn T, sinh năm 1952.

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: 1. Ông Lê Văn N, sinh năm 1959

2. Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1961

Cùng địa chỉ: ấp P, xã A, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1954.

2. Chị Trương Thị B, sinh năm 1976.

3. Chị Trương Thị Đ, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã A, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

4. Anh Nguyễn Tấn C, sinh năm 1981.

5. Chị Nguyễn Thị E, sinh năm 1985.

6. Bà Đỗ Thị Bích Y, sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: ấp Z, xã A, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

7. Chị Nguyễn Kim O, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Lê Văn N được quyền sử dụng diện tích đất 235,6m² (gồm các mố 1,2,3,7,1) tách thửa 86-3 chiếc từ thửa 86 (395), tờ bản đồ số 7 loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp P, xã A, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, đất do ông Trương Văn T kê khai, đăng ký trong sổ mục kê (Có trích đo ngày 26/9/2018 của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mang Thít kèm theo).

Đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, chỉnh lý biến động phần đất theo quy định pháp luật về đất đai.

Ông Lê Văn N hoàn trả giá trị đất cho ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị A số tiền là: 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị A tự nguyện nộp toàn bộ. Ông T, bà A đã nộp xong nên không phải nộp thêm.

Án phí: Ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị A tự nguyện nộp 375.000đồng (Ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng); ông Lê Văn N tự nguyện nộp 375.000đồng (Ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Ông T, bà A, ông N là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 nên miễn nộp tiền án phí đối với ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị A, ông Lê Văn N. Hoàn trả ông Trương Văn T 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0006348, ngày 19/3/2018 mà ông T đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAT
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- THA cùng cấp
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Huỳnh Công Hảo

